TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2024/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 02 tháng 5 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh **Võ Thanh V** - Sinh năm: 1984; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2/ Chị **Phan Thị N** - Sinh năm: 1989; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Thanh V và chị Phan Thị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 29/02/2016 là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh V, chị N thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh V, chị N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh V, chị N có hai người con chung là: Võ Trà M - Sinh ngày 06/7/2015 (hiện đang sống chung với anh V) và Võ Trâm A - Sinh ngày 08/01/2020 (hiện đang sống chung với chị N). Anh V, chị N thỏa thuận được với

nhau là: Anh V được quyền nuôi người con chung là: Võ Trà M - Sinh ngày 06/7/2015, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con; chị N được quyền nuôi người con chung là Võ Trâm A - Sinh ngày 08/01/2020, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này của anh V, chị N là phù hợp với nguyện vọng của người con lớn là Võ Trà M và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Anh V, chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh V, chị N trình bày là không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh V, chị N tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1) Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Thanh V và chị Phan Thị N thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

1.2) Về con chung:

Anh Võ Thanh V được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa anh với chị Phan Thị N là: Võ Trà M - Sinh ngày 06/7/2015 (hiện đang sống chung với anh V) cho đến khi người con này đủ mười tám tuổi, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh V không yêu cầu.

Chị Phan Thị N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh V là: Võ Trâm A - Sinh ngày 08/01/2020 (hiện đang sống chung với chị N) cho đến khi người con này đủ mười tám tuổi, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền

làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, anh V, chị N hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3) Về tài sản chung: Anh V, chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.4) Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

2/ Về lệ phí: Anh V, chị N tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà anh V, chị N đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004531 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; anh V, chị N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Anh Võ Thanh V (01 bản);
- Chị phan Thị N (01 bản);
- UBND xã T (01 bản);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc (01 bản);
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp (03 bản).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên